

Bản án số: 82/2024/DS-ST

Ngày: 20-8-2024

V/v tranh chấp: “Hợp đồng mua bán”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH LONG AN

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Bảo Trâm.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Năm.

2. Ông Nguyễn Hữu Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Ngọc Nhân – Thư ký Toà án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thường Ân – Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 189/2024/TLST – DS ngày 09 tháng 7 năm 2024 về “*Tranh chấp hợp đồng mua bán*”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 121/2024/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn:

1.1. Ông Lê Văn Đ, sinh năm 1968.

1.2. Bà Nguyễn Thị Thu T, sinh năm 1968.

Người đại diện theo uỷ quyền của bà T: ông Lê Văn Đ, sinh năm 1968. (có mặt)

Cùng Địa chỉ: Ô B, xã M, huyện T, tỉnh Long An.

2/ Bị đơn: Ông Nguyễn Thành N, sinh năm 1988 (có mặt)

Địa chỉ: ấp C, xã M, huyện T, tỉnh Long An

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn ông Lê Văn Đ và bà Nguyễn Thị Thu T do ông Lê Văn Đ đại diện trình bày: từ tháng 3/2021 ông N có đến cửa hàng Bảy Đám mua vật tư xây nhà, ông N làm thầu xây dựng. Từ năm 2023, tổng số tiền là 462.258.000 đồng, qua nhiều lần trả thì ông N còn nợ lại số tiền 212.258.000 đồng, ngày 29/3/2024 ông N có viết giấy hẹn là ngày 10/4/2024 trả nhưng đến nay không trả. Nay ông bà khởi kiện yêu cầu ông N trả tiền vật tư còn thiếu là 212.258.000 đồng, và tiền lãi từ ngày 10/4/2024 cho đến khi xét xử với

mức lãi suất theo quy định là 10%/năm. Yêu cầu trả 1 lần không đồng ý trả dần. Ông bà chỉ làm ăn với ông N nên chỉ yêu cầu ông N trả, không yêu cầu vợ ông N tham gia vụ án.

Bị đơn ông Nguyễn Thành N trình bày: ông làm thầu xây dựng, từ năm 2021 ông có mua vật tư tại cửa hàng Bảy Đám 3 của ông Đ và bà T. Từ năm 2023 mua vật tư số tiền là 462.258.000 đồng, có thanh toán nhiều lần còn thiếu lại số tiền 212.258.000 đồng. Ngày 29/3/2024 ông có viết xác nhận nợ là tới ngày 10/4/2024 ông sẽ trả nhưng đến nay do làm ăn thua lỗ nên chưa thanh toán được. Ông thừa nhận còn nợ 212.258.000 đồng tiền mua vật tư và đồng ý trả, nhưng không đồng ý trả lãi vì đây là tiền thiếu do mua vật tư chứ không phải vay mượn nên không đồng ý trả lãi. Do khó khăn nên ông xin trả dần trong 4 tháng, mỗi tháng trả 42.500.000 đồng, tháng cuối trả hết số tiền nợ. Việc làm ăn của ông và vợ chồng ông Bảy Đ1 chỉ một mình ông biết, không liên quan vợ của ông nên yêu cầu Tòa án không đưa vợ của ông tham gia tố tụng trong vụ án.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An phát biểu quan điểm: Từ khi thụ lý đến khi Tòa án đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các thủ tục tố tụng theo quy định pháp luật. Về nội dung vụ án: ông Đ1 và bà T có quan hệ mua bán vật tư với ông Nhân từ năm 2021. Đến ngày 29/3/2024 hai bên xác nhận nợ là 212.258.000 đồng hẹn ngày 10/4/2024 trả nhưng đến nay chưa thanh toán, ông N cũng thừa nhận nên ông Đ1 bà T khởi kiện yêu cầu ông N trả gốc và lãi là có cơ sở. Ông N xin trả dần nhưng ông Đ1 không đồng ý nên không có cơ sở cho trả dần. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Ông Lê Văn Đ và bà Nguyễn Thị Thu T cùng ông Nguyễn Thành N có quan hệ mua bán vật tư với nhau. Nay ông Đ và bà T khởi kiện làm phát sinh quan hệ tranh chấp hợp đồng mua bán thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân theo quy định tại Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 430 Bộ luật dân sự.

[2] Do ông Nguyễn Thành N hiện cư ngụ tại huyện T, tỉnh Long An nên khi ông Đ và bà T khởi kiện thì Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An giải quyết theo trình tự sơ thẩm quy định tại khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải theo quy định tại Điều 205 Bộ luật tố tụng dân sự nhưng kết quả không thành. Vụ án được đưa ra xét xử theo thủ tục chung.

[4] Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn Ông Lê Văn Đ và bà Nguyễn Thị Thu T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Xét yêu cầu của ông Đ và bà T, Hội đồng xét xử thấy:

[4.1] Vợ chồng ông Đ và bà T là chủ cửa hàng vật liệu xây dựng Bảy Đ1 và ông Nguyễn Thành N có quan hệ mua bán vật tư nhiều lần từ năm 2021. Từ năm 2023 ông N có mua vật tư với số tiền là 462.258.000 đồng, qua nhiều lần trả thì ông N còn nợ lại số tiền 212.258.000 đồng, ngày 29/3/2024 ông N có viết xác nhận nợ và hẹn trả ngày 10/4/2024. Trong quá trình hoà giải và tại phiên tòa, ông

N thừa nhận số tiền nợ 212.258.000 đồng và thời hạn trả là ngày 10/4/2024 nhưng do làm ăn thua lỗ nên đến nay chưa thanh toán. Nay ông N xin trả dần trong 04 tháng, mỗi tháng trả 42.500.000 đồng, tháng cuối trả hết số tiền nợ. Thấy rằng, ông N là người mua vật tư của vợ chồng ông Đ1 và bà T, đã nhận hàng nên phải có nghĩa vụ thanh toán, về yêu cầu xin trả dần thì pháp luật chưa quy định, trường hợp các đương sự thoả thuận được thì công nhận nhưng ông Đ1 đồng thời đại diện bà T không đồng ý cho trả dần vì cho rằng ông N không có thiện chí trả, đã hứa nhiều lần nhưng không thực hiện. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào giấy xác nhận nợ và lời thừa nhận của ông N buộc ông N có nghĩa vụ thanh toán cho ông Đ1 và bà T số tiền mua vật tư còn nợ là 212.258.000 đồng là phù hợp theo quy định tại Điều 440 BLDS.

[4.2] Về yêu cầu tính lãi: ông Đ1 và bà T yêu cầu ông N trả tiền lãi từ ngày hạn trả 10/4/2024 cho đến khi xét xử với mức lãi suất theo quy định là 10%/năm. Ông N không đồng ý trả lãi vì cho rằng ông mua vật tư còn thiếu lại chứ không phải vay mượn tiền. Thấy rằng, Ông N thoả thuận đến ngày 10/4/2024 sẽ thanh toán số tiền mua vật tư còn thiếu 212.258.000 đồng nhưng đến hạn không thanh toán. Căn cứ theo khoản 3 Điều 440 BLDS bên mua có nghĩa vụ thanh toán tiền theo thời hạn, trường hợp bên mua không thực hiện đúng nghĩa vụ trả tiền thì phải trả lãi trên số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357 BLDS. Theo Điều 357 BLDS quy định về trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì “lãi suất do chậm trả tiền được xác định theo thoả thuận của các bên nhưng không vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật này; nếu không thoả thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS”. Vậy ông Đ1 và bà T yêu cầu trả lãi là có căn cứ. Do đó, Hội đồng xét xử buộc ông N trả tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán từ ngày 10/4/2024 đến ngày xét xử là $212.258.000 \text{ đồng} \times 4 \text{ tháng} \times 0.83\% \text{ tháng} = 7.634.204 \text{ đồng}$ là phù hợp.

[5] Lời đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An là có cơ sở.

[6] Về án phí: ông Đ1 và bà T không phải chịu án phí. Ông N phải chịu án phí trên phần nghĩa vụ phải thanh toán.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 205; Các Điều 147, 227, 266, 267, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 357, 430, 440 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết về án phí, lệ phí Toà án của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn Đ và bà Nguyễn Thị Thu T tranh chấp hợp đồng mua bán đối với ông Nguyễn Thành N.

Buộc ông Nguyễn Thành N trả cho ông Lê Văn Đ và bà Nguyễn Thị Thu T số tiền mua vật tư còn nợ là 212.258.000 đồng và tiền lãi 7.634.204 đồng, tổng cộng là 219.892.204 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

Về án phí: ông Nguyễn Thành N phải chịu 10.994.610 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

H lại cho ông Lê Văn Đ và bà Nguyễn Thị Thu T 5.625.000 đồng tiền tạm ứng án phí ông Đ và bà T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009042 ngày 09/7/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An.

Án xét xử sơ thẩm công khai có mặt nguyên đơn và bị đơn. Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện T;
- CC THADS huyện T;
- Các đương sự;
- Ấn văn, Lưu;

Hồ Bảo Trâm